

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Số 6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp HCM
Điện thoại : (08) 54 136 338 Fax: (08) 54 136 340
Website: anphapetrol.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

TÓM TẮT VỀ CÔNG TY

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH

Công ty được thành lập tháng 4/2004 với tên gọi: CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G.

Giấy phép kinh doanh số 0303224471 do sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/04/2004, tới 31/12/2010 đã qua 10 lần đăng ký thay đổi.

Chức năng kinh doanh chính là: Kinh doanh mua, bán, chiết nạp sản phẩm dầu khí, dịch vụ vận tải chuyên dụng bằng đường biển, đường bộ, xăng dầu.

Các sự kiện quan trọng

Tháng 4/2005 thành lập công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha tại Hà Nội.

Tháng 3/2007 sở hữu 99% vốn điều lệ của công ty TNHH DV TM Gia Định với thương hiệu **Gia Định Gas**. Cũng trong thời gian này Công ty trở thành công ty đại chúng.

Tháng 4/2007 sở hữu 51% vốn điều lệ công ty TNHH SX TM L.P.G Minh Thông với thương hiệu JP Gas

Tháng 5/2007 sở hữu 60% vốn điều lệ Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định với thương hiệu Gia Định Gas.

Tháng 6/2007 thành lập Công ty Cổ phần dầu Khí An Pha Tây Nguyên, công ty nắm 55% vốn điều lệ, mua lại Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Minh sở hữu thương hiệu Dakgas.

Ngày 15/2/2008 Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) với mã chứng khoán ASP, sự kiện này khẳng định sự phát triển ổn định, vững chắc đồng thời nâng cao uy tín, tầm vóc công ty trên thị trường chứng khoán cũng như vị thế trong ngành.

Tháng 7/2009 mua cổ phần của Cổ đông thiểu số của công ty CP Dầu Khí An Pha Tây Nguyên để sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty đồng thời chuyển đổi sở hữu Công ty thành công ty TNHH MTV Dầu khí An Pha Tây Nguyên.

Tháng 8/2009 mua cổ phần của Cổ đông thiểu số của công ty TNHH TM DV Gia Định để sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty đồng thời chuyển đổi sở hữu Công ty thành công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định.

Tháng 8/2009 mua cổ phần của Cổ đông thiểu số của công ty TNHH TM DV Minh Thông để sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty đồng thời chuyển đổi sở hữu Công ty thành công ty TNHH MTV Dầu Khí An Pha Tây Ninh.

Tháng 12/2010 Hội đồng quản trị Công ty quyết định mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam (mã chứng khoán PGS) chiếm giữ 9% để trở thành cổ đông chiến lược của Công ty này.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Ngành nghề kinh doanh

Mua bán khí hóa lỏng (LPG), chiết nạp LPG, kinh doanh vận tải đường biển bằng tàu chuyên dụng, đường bộ, đại lý kinh doanh xăng dầu, nhớt, kinh doanh bất động sản, mua bán phương tiện vận tải.

Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn đăng ký ban đầu ngày 02/04/2004 là 15.000.000.000 Đồng, trong quá trình hoạt động, tới nay công ty đã 3 lần tăng vốn.

Lần	Ngày tháng	Tăng từ	lên
Lần 1	23/11/2004	15.000.000.000đ	30.000.000.000đ
Lần 2	01/03/2007	30.000.000.000đ	126.000.000.000đ
Lần 3	06/02/2009	126.000.000.000đ	210.000.000.000đ
Lần 4	16/06/2009	126.000.000.000đ	228.300.000.000đ

Về quy mô kinh doanh LPG

Giai đoạn 2004 tới 2006 hoạt động chính của công ty là vận tải quốc tế, kinh doanh gas bồn (gas bán sỉ). Giá trị gia tăng giai đoạn này còn thấp, quy mô hoạt động bị hạn chế.

Giai đoạn 2007 tới nay, là giai đoạn đánh dấu bước phát triển vượt bậc về quy mô kinh doanh (chiều rộng, chiều sâu) cũng như vị thế công ty trong ngành LPG trên phạm vi cả nước. Bước phát triển đó thực hiện thông qua việc mua cổ phần chi phối 4 công ty kinh doanh gas dân dụng lớn ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Tây Nguyên và Tây Ninh.

Cho tới thời điểm hiện nay, ANPHA PETROL đã xây dựng được hệ thống nhà phân phối mạnh, hoạt động hiệu quả do biết khai thác những đặc thù, đặc điểm tập quán kinh doanh tại từng vùng, miền trên cả nước kết hợp với các dịch vụ chăm sóc khách hàng được khách hàng đánh giá cao. Tốc độ tăng trưởng sản lượng gas dân dụng tăng từ 19 tới 34% so với năm trước. Đứng đầu về thị phần gas dân dụng trên cả nước.

Năng lực kinh doanh

Công ty sở hữu 2 kho chứa LPG lớn, 1/ tại Cảng Đình Vũ – Hải Phòng sức chứa 1.800 tấn, 2/ tại cảng Bourbon – Long An sức chứa 1.300 tấn, ngoài ra còn trạm chiết nạp tại các công ty thành viên với tổng sức chứa khoảng 800 tấn.

Sở hữu 2 trạm chiết nạp lớn (Ninh Hiệp, Gia Lâm Hà Nội và Bến Lức, Long An) được trang bị máy móc hiện đại, sản phẩm sản xuất ra có độ an toàn tuyệt đối, công suất đủ đáp ứng cho nhu cầu hiện tại và trong vòng 3 năm tới.

Đội tàu biển chuyên dụng vận chuyển LPG có năng lực vận chuyển Quốc tế, đáp ứng cho nhu cầu nhập khẩu và vận tải nội địa của Công ty.

Đội xe vận chuyển gas dân dụng khoảng 100 chiếc đủ đáp ứng nhu cầu phân phối gas cho hệ thống bán lẻ hiện nay.

Là công ty niêm yết, có ưu thế về khả năng huy động vốn, minh bạch trong quản lý và mở rộng quảng bá thương hiệu.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo am hiểu tường tận về chuyên ngành gas, tâm huyết với công việc, khát khao phát triển, khả năng làm việc theo nhóm cao, đã gắn bó với công ty nhiều năm.

Với các nguồn lực này công ty thực sự có thể mạnh vượt trội. Có một chu trình khép kín Mua – Vận chuyển – Tồn trữ - Chiết nạp – Phân phối, nắm thế chủ động, kết hợp với chất lượng dịch vụ khách hàng tốt (Hệ thống nhà phân phối và người tiêu dùng) đã tạo sự khác biệt so với những công ty kinh doanh cùng ngành, giúp Công ty phát triển nhanh, ổn định và bền vững.

SỰ KIỆN TRONG NĂM

Được bầu chọn vào top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt nam năm 2010 do Vietnam Report công bố, ANPHA PETROL đứng thứ 111 trong số 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt nam.

Là một trong 4 Công ty đầu thầu thành công (3 Công ty kia thuộc sở hữu Nhà Nước) bao tiêu LPG tại Nhà Máy Lọc Dung Quất (Công ty TNHH MTV lọc Hóa dầu Bình Sơn).

Được các cơ quan hữu quan, khách hàng và người tiêu dùng đánh giá cao trong việc tổ chức tuyên truyền nghị định 107.2009/CP và Công tác an toàn cháy nổ sử dụng Gas. Công tác tuyên truyền này được tổ chức tại Hà Nội, thành phố HCM, Tây Nguyên và Tây Ninh đã gây hiệu ứng tốt trong dư luận xã hội.

SỨ MỆNH, TẦM NHÌN

Nhận thức rõ bản chất của Công ty, tiềm năng của nguồn nhân lực. Cơ hội đang đến với ngành dầu khí Việt nam, xác định mục tiêu đúng đắn, tập hợp mọi lực lượng, tận dụng mọi điều kiện, nguồn lực chớp thời cơ để xây dựng và phát triển.

"ANPHA PETROL" đồng nghĩa với **tầm nhìn, khát vọng và sự nỗ lực không ngừng cho sự phát triển công ty**.

MỤC TIÊU

Xây dựng một thương hiệu vững mạnh, tăng trưởng ổn định và hiệu quả.

ĐỊNH HƯỚNG CHIÉN LƯỢC

Tăng trưởng ổn định mảng LPG dân dụng. Xây dựng hệ thống phân phối mạnh gắn kết. Hoạt động linh hoạt, hiệu quả.

Chú trọng quản trị an toàn, kỹ thuật và quản trị nhân sự.

Củng cố nền tảng công ty để sẵn sàng nắm bắt cơ hội.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của HĐQT trong năm 2010

Hội đồng quản trị đã tiến hành 4 kỳ họp định kỳ và 17 cuộc họp khác nhằm đánh giá tình hình kinh doanh, thị trường để ra các quyết định kinh doanh, đầu tư, sắp xếp nhân sự.

Quyết định thành lập Hội đồng điều phối hoạt động dưới sự chỉ đạo của HĐQT công ty nhằm giải quyết các vấn đề liên quan tới tổ chức hoạt động tại từng công ty thành viên.

Thành lập các tiểu ban của HĐQT, phân công phân nhiệm cho các tiểu ban. Hoạt động của các tiểu ban này giúp HĐQT nắm sát tình hình diễn biến kinh doanh tại các Công ty thành viên trên cơ sở đó xây dựng, định hướng chính sách phát triển công ty.

Ban hành quy chế quản trị công ty và quy chế quản trị tài chính áp dụng cho các công ty thành viên, nhằm nâng cao công tác quản lý, điều hành tài chính, hạn chế rủi ro kinh doanh, tối đa hoá lợi ích của Cổ Đông.

Chủ trì triển khai công tác rà soát chi phí hoạt động, chính sách nhân sự trong hệ thống cho năm 2011_2015.

Đặc điểm ngành nghề.

Khí hoá lỏng (LPG) là sản phẩm kinh doanh chính hiện nay của công ty, do là sản phẩm thiết yếu trong tiêu dùng dân dụng và là nguyên, nhiên liệu cho một số ngành sản xuất công nghiệp. Chính đặc điểm này mà nhu cầu về gas luôn ổn định hơn một số ngành kinh doanh khác. Tiêu thụ bình quân đầu người hiện nay ở Việt nam so với một số quốc gia trong khu vực còn thấp nên dự báo trong tương lai gần tổng nhu cầu của Việt nam sẽ tăng cao, dự kiến tới 2015 khoảng 1.500.000 tấn/năm. Là ngành kinh doanh có điều kiện nên an toàn sử dụng gas là yêu cầu cấp thiết được kiểm tra kiểm soát thường xuyên.

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2010

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	% so với TH 2009
Sản lượng LPG dân dụng	76.244 tấn	21%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	2.075.914	33%
Lợi nhuận trước thuế	16.201	(75%)
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.691	(70%)
Lợi nhuận của công ty mẹ	1.656	(96%)

Năm 2010 có nhiều biến động bất lợi cho doanh nghiệp thể hiện rõ ở những điểm sau:
1) Lãi suất tiền vay tăng cao đã có thời điểm tương đương mức năm 2008. 2) Công ty không còn sự hỗ trợ lãi suất của chính phủ như năm 2009. 3) Việc thực hiện nghị định 107.CP/2009 đã ảnh hưởng tương đối mạnh tới thị trường gas cả nước về mặt giá trị đầu tư vỏ, giá bán LPG dân dụng, tình hình hàng gian, giả không cải thiện do vậy mà

sự cạnh tranh giữa các công ty đặc biệt là công ty nhỏ không lành mạnh...đã ảnh hưởng hầu hết tới các công ty kinh doanh gas (chân chính) ở Việt nam.

Thị phần, thị trường

Ba năm qua (từ 2007 tới 2009) tốc độ tăng trưởng hàng năm của Công ty trên 30%, năm 2010 tăng trưởng 21% so với năm 2009 trong điều kiện khó khăn như năm 2010 việc duy trì tốc độ tăng trưởng sản lượng như trên đã là thành công lớn. Hiện thị phần LPG dân dụng của Công ty chiếm khoảng 14% và đứng đầu ở Việt Nam.

Tài chính, vốn kinh doanh

Việc huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán năm 2010 vẫn khó khăn, do vậy vốn kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu huy động từ nguồn tín dụng thương mại và vay bổ sung vốn lưu động từ Ngân hàng, kết hợp việc tăng cường quản trị vốn lưu động trong tất cả các khâu nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng vốn.

Năm 2010 Công ty vẫn sử dụng đòn cản nợ để tăng trưởng kinh doanh (khâu đầu tư vào hệ thống bán hàng, vỏ bình gas...) do vậy chi phí tài chính tăng, điều này cũng hàm chứa những rủi ro về tài chính. Công ty đã có những biện pháp thích hợp để kiểm soát cơ cấu vốn sử dụng trong kinh doanh, hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra đồng thời có phương án dự phòng.

Tổ chức, nhân sự

Hội đồng quản trị đã chủ động xem xét, chấn chỉnh, xây dựng chính sách nhân sự của hệ thống nhằm phát huy đổi mới năng lực cán bộ, nhân viên tạo môi trường làm việc tốt. Ban hành quyết định phân cấp chức danh công việc của Công ty mẹ, các công ty thành viên.

Quan tâm, chú trọng công tác an sinh xã hội, đời sống tinh thần cho người lao động.

Quản trị rủi ro

Rủi ro ở đây được xác định có thể xảy ra trong tất cả các khâu của quá trình kinh doanh, từ việc chuẩn bị nguồn LPG cho chiết nạp, tài chính, chi phí, lãi suất, tín dụng, an toàn cháy nổ, thị trường, đối thủ cạnh tranh... do vậy nó phải được thực hiện thường xuyên theo những quy trình, quy định tùy theo từng khâu, vụ việc. Công ty đã ban hành các quy định về kiểm soát tài chính, bán hàng, công nợ, quản lý tiền mặt, tồn kho, quy trình kiểm tra kiểm soát nhập xuất LPG tại các kho lớn, trạm chiết nạp.

Thực hiện các mục tiêu kinh doanh theo kế hoạch cũng được xem là công cụ kiểm soát hiệu quả để hạn chế rủi ro đã được Công ty thực hiện nghiêm túc.

Định hướng kinh doanh 2010 – 2015

Kinh doanh LPG dân dụng là mục tiêu chính, chú trọng phát triển thị trường trọng tâm, hệ thống nhà phân phối phải phù hợp với mục tiêu này.

Nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khách hàng (nhà phân phối, người tiêu dùng) thông qua các chương trình chăm sóc khách hàng, an toàn sử dụng gas.

Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông công ty số : 01/NQ-ĐHCD- ASP/2010 ngày 29/04/2010 về việc thông qua mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát, trong năm đã thực hiện như sau.	Chức danh	Mức thù lao/tháng
	Thành viên HĐQT	10.000.000 đ
	Trưởng ban BKS	7.000.000 đ
	Thành viên BKS	5.000.000 đ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tài chính năm 2010_ (số liệu hợp nhất đã được kiểm toán)
Đơn vị tính: triệu đồng

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2010</u>
Tổng tài sản	985.661	1.085.480
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	326.308	371.674
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	659.353	713.806
Nợ phải trả	702.670	820.529
Nợ ngắn hạn	431.964	535.108
Nợ dài hạn	270.707	285.420
Nguồn vốn chủ sở hữu	268.475	246.256
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	228.300	228.300
Thặng dư vốn	1.433	1.433
Các quỹ	821	775
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	37.921	15.748
Nguồn khác	14.516	18.695
 Doanh thu thuần (triệu đồng)	 2.075.914	
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	5.691	
Lợi nhuận sau thuế của c.ty mẹ (triệu đồng)	1.656	

Phân tích kết quả kinh doanh

Phản 1: Đánh giá về môi trường hoạt động kinh doanh năm 2010.

A. Các ảnh hưởng xuất phát từ việc thực thi chính sách điều hành kinh tế của Chính phủ.

Nghị định 107/2009/NĐ.CP ban hành ngày 26/11/2009 về việc kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG).

Nghị định này liên quan trực tiếp tới nghành nghề kinh doanh của Công ty, theo điều 13, điểm 3 của nghị định điều kiện cần để có thể trở thành thương nhân kinh doanh sản phẩm dầu khí hoá lỏng là số lượng vỏ bình gas của mỗi thương nhân tối thiểu là 300.000 vỏ bình (chai) thuộc sở hữu thương nhân và có hiệu lực thi hành sau ngày 30/09/2010. Trên thực tế tại thời điểm nghị định ban hành thì lượng chai chứa LPG trên phạm vi cả nước đã đủ đáp ứng nhu cầu, tuy nhiên có nhiều công ty chưa đủ 300.000 chai vẫn phải đầu tư thêm trong khi chưa chuẩn bị kịp về hệ thống phân phối, thị trường...hậu quả là: a) giá mua vỏ bình LPG cao do nhu cầu lớn, b) giá ký quỹ vỏ giảm do dư thừa, c) giá bán LPG cũng bị giảm (do vỏ bình có chứa LPG), như vậy chi phí đầu tư của các công ty tăng và mức lợi nhuận gộp sẽ giảm. Ngoài ra nghị định còn quy định các đại lý kinh doanh LPG chỉ được ký hợp đồng đại lý với ba công ty gas cũng dẫn đến cạnh tranh gay gắt và tác động tới lãi gộp. Tuy nhiên nghị định này thực thi sẽ đem lại môi trường kinh doanh lành mạnh, rõ ràng hơn, cơ sở pháp lý cao hơn...người kinh doanh và người tiêu dùng được pháp luật bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ.

Nghị định 107/2009/NĐ.CP còn ảnh hưởng tới phương pháp hạch toán một số chi phí hoạt động nên việc so sánh cùng kỳ những năm trước về các chỉ tiêu lợi nhuận, chi phí kinh doanh cũng có tác động nhất định.

Việc điều hành chính sách tiền tệ của Chính phủ năm qua đã ảnh hưởng lớn tới việc tăng chi phí tài chính của công ty, đặc biệt là cuối quý 3 đầu quý 4 năm 2010 mức lãi suất tiền vay đã cao tương đương mức cuối năm 2008 mà không nhận được sự hỗ trợ nào từ chính phủ như năm 2009 (hỗ trợ lãi suất 4%)

Chính sách tỷ giá VND với USD của Ngân hàng nhà nước cũng ảnh hưởng tới việc lựa chọn nhà cung cấp LPG cho Công ty vì tồn tại 2 tỷ giá và sự khán hiếm USD khi cần thanh toán sẽ có rủi ro nên công ty quyết định mua hàng trong nước do đó tính chủ động bị hạn chế, thực tế đã có thời điểm bị thiếu hàng do các nhà máy trong nước ngưng để bảo trì, sự cố...

B. Ảnh hưởng từ phía Công ty và thị trường LPG.

Quyết định tăng trưởng thị phần LPG dân dụng năm 2010 là 30% (thực tế là 21%) so với năm 2009, để thực hiện mục tiêu này có nhiều biện pháp đồng bộ, song về mặt tài chính Công ty không tăng vốn điều lệ mà sử dụng đòn cản nợ để thực hiện, như chúng ta đã biết công cụ này làm gia tăng nợ phải trả (nợ vay, nợ khách hàng...) dẫn tới chi phí tài chính tăng cao, có thể có những rủi ro tài chính.

Thị trường LPG dân dụng ở từng vùng, miền vốn dĩ đã có sự cạnh tranh khốc liệt kết hợp với việc thực hiện nghị định 107/2009/NĐ.CP sự khốc liệt ấy càng gia tăng, khiến Công ty đứng trước nguy cơ mất khách hàng nghĩa là mất thị phần, thị trường và hiệu quả kinh doanh vì thế mà thấp.

C. Từ những tác động trên buộc Công ty phải thay đổi mục tiêu kế hoạch năm 2010

Mục tiêu năm 2010 là giữ vững thị trường và tăng trưởng sản lượng bán do đó vẫn đề hệ thống phân phối được xác định đặc biệt quan trọng là yếu tố quyết định việc giữ thị trường, thị phần.

D. Cơ chế quản trị nội bộ của Công ty

Việc duy trì quy chế quản trị công ty là yêu cầu bắt buộc, trước tình hình như được trình bày ở phần A và B trên đây Ban Tổng giám đốc đã cùng với Hội đồng quản trị của Công ty nhanh chóng ban hành, bổ sung kịp thời các quy chế quản trị tài chính, nhân sự, hệ thống bán hàng, các vấn đề liên quan tới thị trường... nhằm ngăn chặn các tác động xấu có thể xảy ra.

Phần 2: Kết quả hoạt động kinh doanh đạt được năm 2010

A. Về thị trường, thị phần:

Sản lượng bán LPG dân dụng năm 2010 là 76.244 tấn so với năm 2009 tăng 21%, Công ty chiếm khoảng 14% thị phần LPG dân dụng ở Việt Nam. Số liệu thống kê về sản lượng tiêu thụ 3 năm gần đây cho thấy Công ty đang tăng trưởng thị phần nhanh và ổn định (năm 2008/2007 là 33%, năm 2009/2008 là 36%, năm 2010/2009 là 21%. Thị phần năm 2008 là 10%, năm 2009 là 12% và năm nay là 19%).

Xét về mặt phân bố địa lý, thị phần của Công ty tập trung vào hai trung tâm lớn là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, chiếm tới 91% tổng sản lượng LPG bán của Công ty trong năm năm 2010. Ở hai khu vực này luôn có tốc độ tăng trưởng tự nhiên cao, sản lượng tiêu thụ lớn và nhu cầu cơ hội còn nhiều và vì là thị trường tương đối tập trung nên khả năng tiết kiệm chi phí kinh doanh cao, cơ hội tiếp xúc gấp gáp với hệ thống đại lý, Tổng đại lý nhiều... dễ dàng triển khai thực hiện các chính sách bán hàng... hội tụ nhiều điều kiện cho một hệ thống bán hàng mạnh, ổn định lâu dài.

Ngoài thị trường tập trung trên, thương hiệu của Anpha petrol còn phủ tại các địa phương lân cận thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh Tây Ninh, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hải Phòng, Nam Định ...và khu vực Tây Nguyên (đặc biệt là thành phố Ban Mê Thuột, tuy sản lượng khoảng 9% xong đã góp phần xây dựng thương hiệu Anpha petrol trên phạm vi toàn quốc).

Hệ thống nhà phân phối, tại hai trung tâm lớn Công ty đều có hệ thống nhà phân phối được xây dựng trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của các bên và cùng nhắm tới lợi ích người tiêu dùng (là các hộ gia đình), chính vì vậy mà Công ty vẫn giữ được sự tăng trưởng cao về sản lượng thông qua hệ thống này mặc dù năm 2010 là năm khó khăn nhất đối với các Công ty kinh doanh gas như đã phân tích ở phần 1 trên đây.

B. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh.

1. Tỷ lệ lãi gộp: So với năm 2009 tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu giảm rất nhiều, nguyên nhân được xác định bởi:
 - a) Yếu tố khách quan là tác động gián tiếp của nghị định 107/2009/NĐ.CP như đã phân tích ở phần 1, khiến các công ty kinh doanh gas nhỏ bằng mọi cách phải đưa lượng vỏ dầu tư mới ra thị trường để đạt số lượng vỏ bình theo quy định, cách tốt nhất có thể làm là hạ giá bán.
 - b) Yếu tố cạnh tranh: Đối thủ chính của Công ty cũng bằng nhiều cách muốn giành thị phần tại khu vực Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, cách mà họ áp dụng cũng là hạ giá bán, tăng tỷ lệ chiết khấu cho đại lý.

Trước diễn biến này, buộc Công ty phải thay đổi chính sách bán hàng đó là: 1) Giảm giá bán tới mức có thể chấp nhận được, 2) Tổ chức các chương trình chăm sóc đại lý, tổng đại lý, 3) Tăng cường tiếp xúc khách hàng, 4) Đàm phán với đối thủ trên cơ sở vì lợi ích hợp lý giữa các bên để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2. Chi phí hoạt động:

- a) Do đặc thù và mục tiêu tăng trưởng thị phần tại từng Công ty tại từng thời điểm nên việc quản lý bán hàng theo đó có nơi có lúc chưa được hợp lý dẫn tới chi phí cao.
- b) Công tác giám sát tại từng bộ phận từ sản xuất, vận chuyển, bán hàng... đôi lúc làm chưa tốt cũng khiến chi phí hoạt động tăng.
- c) Tỷ lệ chí phí tài chính trên phạm vi toàn hệ thống tăng cao so với năm 2009 là vì: 1/ Năm 2010 nhà nước không còn tài trợ lãi vay (4%) như năm 2009 nữa, 2/ Như đề cập tại điểm B phần 1 ở phần trên dẫn tới dư nợ vay tăng cao để đáp ứng mục tiêu đề ra, 3/ Tỷ lệ lãi vay năm nay tăng cao tương đương thời điểm cuối năm 2008.
- d) Do diễn biến lớn từ thị trường dẫn tới nguy cơ mất thị phần như phân tích ở phần 1, Công ty đã chủ động tổ chức các cuộc giao lưu, thăm hỏi khách hàng, chương trình khuyến mãi... nhiều hơn do vậy đã phát sinh thêm chi phí.

3. Đánh giá ảnh hưởng các nguyên nhân trên tới tình hình tài chính, kinh doanh năm 2011.

- a) Yếu tố cạnh tranh dẫn tới giảm tỷ lệ lãi gộp được xác định là nguyên nhân chính ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh. Do vậy ban lãnh đạo Công ty (HĐQT, Ban Tổng giám đốc) đã tập trung phân tích kỹ đối thủ, môi trường kinh doanh, chính sách kinh tế của chính phủ, nguyện vọng của người tiêu dùng và hệ thống nhà phân phối để có các biện pháp thích hợp cho năm kế hoạch 2011.
- b) Chi phí hoạt động, chi phí tài chính chiếm tỷ trọng lớn nhất do vậy việc quản lý vốn lưu động chặt chẽ hơn là yêu cầu cấp thiết, hạn chế đầu tư mới vỏ bình gas, bên cạnh đó kiểm soát chặt chẽ hơn nữa tất cả các khâu trong quá trình kinh doanh từ khâu chiết nạp gas, bán hàng, hành chính... nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao năng suất lao động.

Phần 3: Các mục tiêu năm 2011

1. Tăng cường công tác quản trị Công ty và toàn hệ thống ở các khâu nhân sự, quản lý vốn lưu động, năng suất hiệu quả lao động, kiểm soát chi phí kinh doanh hợp lý...
2. Giữ vững thị phần và tăng trưởng sản lượng LPG trên 10% so với năm 2010.
3. Tận dụng tối đa các cơ hội thị trường, chính sách của chính phủ, hiệp hội ... để tối ưu hoạt động của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh.
4. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống nhà phân phối đến người tiêu dùng
5. Tất cả những mục tiêu trên nhằm TỐI ĐA LỢI ÍCH CỦA CỘ ĐÔNG.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Xem phụ lục báo cáo tài chính dạng đầy đủ ở phần sau của báo cáo này)

GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Xem toàn văn ý kiến kiểm toán viên về báo cáo tài chính năm 2010)

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS tổ chức họp thường kỳ 02 lần trong năm 2010 theo qui định để thực hiện công việc giám sát công tác điều hành của BGĐ, các hoạt động của HĐQT. Thực hiện việc giám sát các hoạt động tài chính của công ty mẹ. Các báo cáo tài chính quý, năm đều được tiến hành xem xét. Thẩm định các báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm và kết quả hoạt động SXKD cả năm 2010. Kiểm tra hoạt động SXKD tại các đơn vị thành viên.

Giám sát quá trình tái cơ cấu và tổ chức lại hoạt động SXKD theo hướng cắt giảm các khoản đầu tư không hiệu quả, việc chuyển nhượng phần vốn góp của công ty tại các đơn vị liên kết, cũng như việc tham gia góp vốn liên doanh với các đối tác khác.

Tham dự các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội Đồng Quản Trị; Hội đồng điều phối; BGĐ, để theo dõi nắm bắt tình hình, đóng góp ý kiến. Từ đó có cơ sở để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị Quyết của Hội Đồng Quản Trị, Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông, hỗ trợ HĐQT, BGĐ và các phòng ban nghiệp vụ nhằm triển khai tốt nghị quyết và tuân thủ đúng các qui trình, qui định của công ty và tuân thủ Pháp Luật.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

1. Công ty TNHH MTV Dầu Khí Gia Định

Khu phố 4 Lã Xuân Oai, Tăng Nhơn Phú A, Q9 tp Hồ Chí Minh

Nghành nghề kinh doanh chính: Mua bán, kinh doanh, chiết nạp khí hóa lỏng (LPG), vận tải đường bộ bằng xe chuyên dùng. Mua bán vỏ bình gas....

Vốn điều lệ: 40 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ : 100%

Thương hiệu: *Gia dinh Gas*

Năm 2010, Công ty hoàn thành 84% kế hoạch sản lượng, tăng 27% so với năm 2009. Chiếm 15% thị phần khu vực thành phố HCM.

3. Công ty TNHH MTV Dầu Khí An Pha Tây Ninh

Ô 2/34 ấp Trường Đức, xã Trường Đông, Hòa Thành, Tây Ninh

Nghành nghề kinh doanh chính: Chiết nạp LPG, kinh doanh vận tải,

2. Công ty TNHH Khí đốt Gia Định (Hà Nội)

Lô 14, khu công nghiệp Sài Đồng B, phường Sài Đồng, Long Biên – Hà Nội

Nghành nghề kinh doanh chính: Mua bán, kinh doanh, chiết nạp khí hóa lỏng (LPG), vận tải đường bộ bằng xe chuyên dùng. Mua bán vỏ bình gas....

Vốn điều lệ: 30 tỷ

Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ : 60%

Thương hiệu: *Gia dinh Gas*

Năm 2010, Công ty hoàn thành 102% kế hoạch sản lượng, tăng 24% so với năm 2009. Thị phần của Công ty tại Hà Nội khoảng 40%.

4. Công ty TNHH MTV Dầu khí An Pha Tây Nguyên

Thôn 8, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Daklak.

Nghành nghề kinh doanh chính: Buôn bán LPG, tồn trữ, chiết nạp

lắp ráp bếp gas	LPG, vận tải hàng hóa
Vốn điều lệ: 20 tỷ đồng	Vốn điều lệ: 20 tỷ
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ : 100%	Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ : 100%
Thương hiệu: JPGas	Thương hiệu: Dakgas
Năm 2010, chịu sự cạnh tranh mạnh từ các đối thủ nên đã ảnh hưởng sản lượng và thị phần, công ty chỉ đạt 70,5% kế hoạch sản lượng.	Năm 2010, tương tự như Tây Ninh, nhưng An pha Tây Nguyên có hệ thống nhà phân phối ổn định hơn nên cũng đạt 84% sản lượng kế hoạch.

5. Công ty CP Dầu Khí An Pha

Tầng 7, tòa nhà Sun red river, số 23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Nghành nghề kinh doanh chính: Mua bán các loại khí hóa lỏng, đại lý kinh doanh xăng dầu, vận tải, cho thuê kho bãi.

Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ : 93%

Là công ty kinh doanh bán buôn LPG, cho thuê kho chứa gas. Sản lượng gas bán đạt 87% sản lượng kế hoạch.

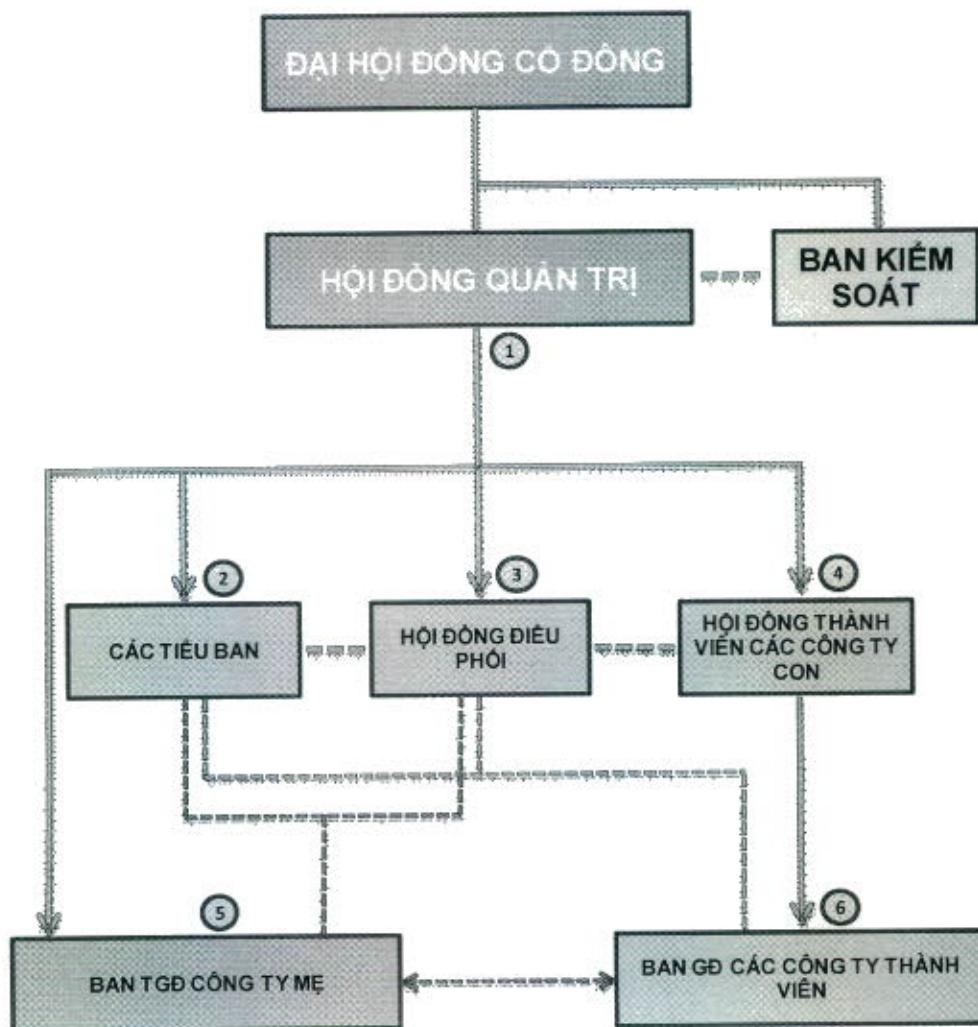
TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
Cơ cấu tổ chức hoạt động của Anpha Group

Anpha Petrol

Ngày hiệu lực.....

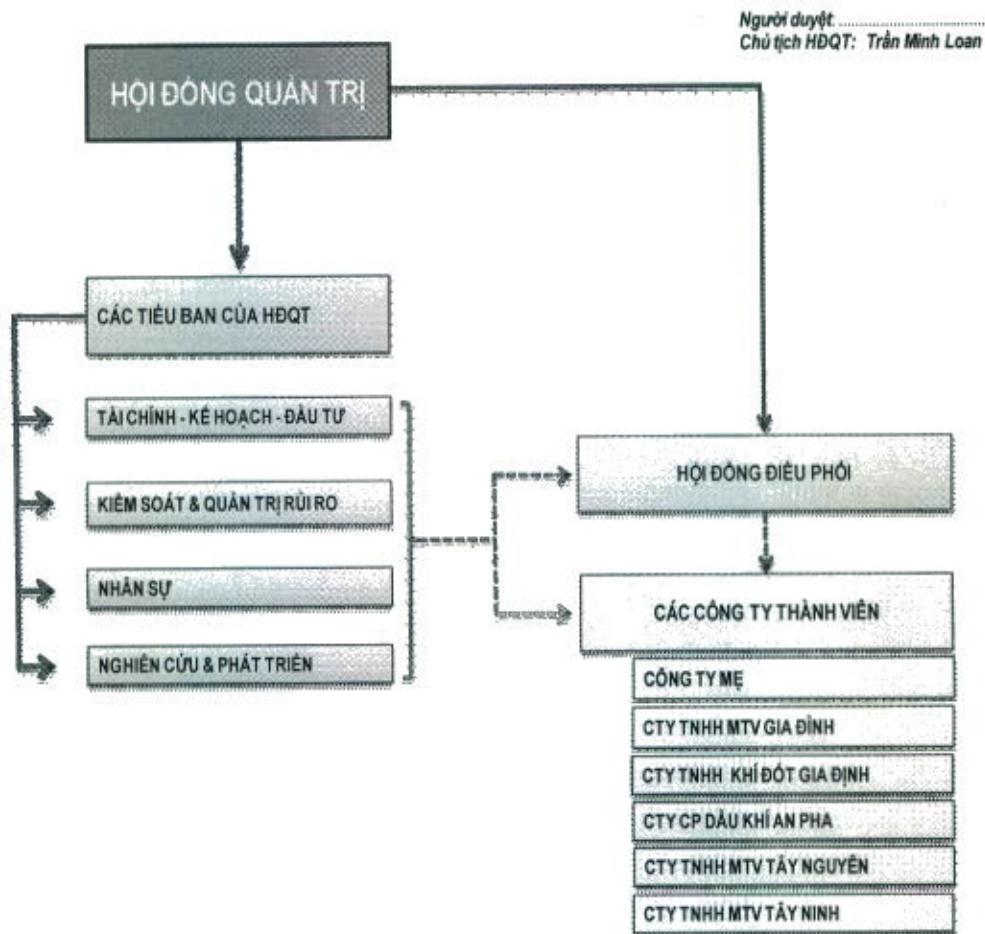
Người duyệt.....
Chủ tịch HĐQT: Trần Minh Loan

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG C.TY CP TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA



Các công ty thành viên:

1. Công ty CP Tập đoàn dầu Khí An Pha.
2. Công ty CP Dầu Khí An Pha.
3. Công ty TNHH Khí đốt Gia Định
4. Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định
5. Công ty TNHH MTV Dầu khí An Pha Tây Nguyên
6. Công ty TNHH MTV Dầu khí An Pha Tây Ninh

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY****Hội đồng quản trị**

- 1- Ông Trần Minh Loan
- 2- Ông Lê Xuân Hoàng
- 3- Ông Trương Hữu Phước
- 4- Ông Nguyễn Hữu Tuyên
- 5- Ông Nguyễn Đức Sơn

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Phó chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám Đốc công ty mẹ

- 1- Ông Trương Hữu Phước
- 2- Ông Huỳnh Bửu Tuấn
- 3- Ông Vũ Văn Thắng

Tổng Giám Đốc
Phó Tổng Giám Đốc
Phó Tổng Giám Đốc

Kế toán công ty mẹ

Ông Vũ Văn Thắng

Kế toán trưởng

Giám đốc các công ty thành Viên

1-Ông Lê Xuân Hoàng

Công ty TNHH Khí đốt Gia Định

2-Ông Vũ Long

Công ty CP Dầu Khí An Pha

3-Ông Nguyễn Tiên Phụng

Công ty TNHH MTV DK An pha Tây
Nguyên

4-Ông Diệp Minh Thông

Công ty TNHH MTV DK An pha Tây
Ninh

5-Ông Võ Cao Phong

Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia
Định**THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG****Cơ cấu cổ đông công ty tại ngày 31/12/2010****Cổ đông sáng lập + Cổ đông lớn**

	Tại ngày 01/01/2010		Tại ngày 31/12/2010	
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Ông Lê Xuân Hoàng	596.100	2,61	596.100	2,61
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	467.400	2,05	472.400	2,07
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	1.500.000	6,57	1.000.000	4,38
Trần Việt Tiến	245.800	1,07	-	-
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	9,58	2.188.100	9,58
BIDV - CN Hải Phòng	2.100.000	9,20	2.100.000	9,20
C.ty Chứng khoán SK	1.661.880	7,28	1.661.880	7,28
Quỹ ĐT Việt Nhật	1.083.333	4,75	1.083.333	4,75
Các cổ đông khác	12.987.383	56,89	13.728.183	60,13
Cộng	22.829.996	100%	22.829.996	100%

Ngày 31 tháng 3 năm 2011
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN MINH LOAN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tp. Hồ Chí Minh - Tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

MỤC LỤC

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIÊM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIÊM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha và các Công ty Con (gọi tắt là "Tập đoàn").

Công ty

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103002232 ngày 02 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2010 số 0303224471.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<u>Hội đồng Quản trị</u>	Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch
	Ông Trương Hữu Phước	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Xuân Hoàng	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đức Sơn	Thành viên
	Ông Nguyễn Hữu Tuyển	Thành viên
<u>Ban Giám đốc</u>	Ông Trương Hữu Phước	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Xuân Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ 1/11/2010)
	Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc (từ 1/11/2010)

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hàng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất và tỷ lệ kiểm soát tại 31 tháng 12 năm 2010

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	30	97%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định	Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	40	100%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Dầu khí An Pha Tây Ninh	Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh	20	100%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Dầu khí An Pha Tây Nguyên	Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đaklak	20	100%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH Khí đốt Gia Định	Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	30	60%	Kinh doanh khí hóa lỏng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trương Hữu Phước
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu Khi An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và các Công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan.



Nguyễn Phú Hà

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0389/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP ĐANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên đại diện Hàng Kiểm toán Moore Stephens International Limited

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Phan Thanh Nam

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1009 /KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01- DN/HN

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGÂN HẠN	100		371.673.663.664	326.308.129.610
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	54.914.496.139	71.930.631.184
1. Tiền	111		54.914.496.139	71.930.631.184
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.728.544.808	47.106.534.334
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	5.2	70.728.544.808	47.106.534.334
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		181.589.250.797	154.687.474.222
1. Phải thu khách hàng	131		172.055.062.860	124.460.011.497
2. Trả trước cho người bán	132		3.718.997.593	14.379.728.136
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	8.773.027.672	20.195.721.917
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.957.837.328)	(4.347.987.328)
IV. Hàng tồn kho	140		17.437.579.716	15.663.601.288
1. Hàng tồn kho	141	5.4	17.437.579.716	15.663.601.288
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.003.792.204	36.919.888.582
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.638.275.030	2.523.674.548
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.194.757.245	20.292.426.640
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		544.836.363	54.137.096
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	13.625.923.566	14.049.650.298
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		713.806.050.696	659.353.299.980
II. Tài sản cố định	220		139.404.338.423	117.999.074.617
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	90.936.643.541	101.784.868.355
<i>Nguyên giá</i>	222		141.336.298.219	143.165.441.529
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(50.399.654.678)	(41.380.573.174)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.7	23.415.295.806	-
<i>Nguyên giá</i>	225		24.375.305.840	328.437.146
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(960.010.034)	(328.437.146)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	23.504.428.692	14.636.804.218
<i>Nguyên giá</i>	228		24.114.185.765	14.940.019.665
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(609.757.073)	(303.215.447)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.547.970.384	1.577.402.044
III. Bất động sản đầu tư	240		-	35.614.707.000
1. <i>Nguyên giá</i>	241		-	35.614.707.000
2. <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		27.084.440.012	65.900.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	13.065.260.012	55.100.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	14.019.180.000	10.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		478.095.612.914	360.954.050.537
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	475.843.102.914	360.924.050.537
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.252.510.000	30.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269	5.12	69.221.659.347	78.885.467.826
TỔNG TÀI SẢN	270		1.085.479.714.360	985.661.429.590

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn	300		820.528.697.175	702.670.235.876
1. Vay và nợ ngắn hạn	310		535.108.498.387	431.963.635.630
2. Phải trả người bán	311	5.13	251.570.000.000	171.798.699.802
3. Người mua trả tiền trước	312		263.830.146.703	240.445.700.381
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		894.244.894	213.441.870
5. Phải trả người lao động	314	5.14	10.389.132.827	11.159.832.986
6. Chi phí phải trả	315		1.732.118.361	3.299.899.121
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	316	5.15	3.481.368.792	1.512.143.386
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	317	5.16	2.269.347.283	1.928.721.140
	323		942.139.527	1.605.196.944
II. Nợ dài hạn	330		285.420.198.788	270.706.600.246
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	128.855.024.178	97.946.114.708
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	156.479.500.741	172.624.530.563
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		85.673.869	135.954.975
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		246.256.379.439	268.475.111.576
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	246.256.379.439	268.475.111.576
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		228.299.960.000	228.299.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.639.900)	(3.639.900)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		8.501.546	53.882.586
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		696.195.979	696.195.979
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		74.429.893	74.429.893
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.747.511.921	37.920.863.018
IV. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỆU SỐ	439		18.694.637.746	14.516.082.138
TỔNG NGUỒN VỐN	440		<u>1.085.479.714.360</u>	<u>985.661.429.590</u>

Trương Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Vũ Văn Thắng

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	2.115.837.881.941	1.587.264.315.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	39.923.621.439	20.879.753.844
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ($10 = 01 - 02$)	10	5.22	2.075.914.260.502	1.566.384.561.338
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	1.880.204.797.027	1.381.299.142.639
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ($20 = 10 - 11$)	20		195.709.463.475	185.085.418.699
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	12.781.324.143	8.585.774.055
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	5.25	52.280.642.345	21.710.027.799
8. Chi phí bán hàng	24	5.26	102.897.490.881	71.524.067.777
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.27	39.180.347.731	34.619.283.518
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ($30 = 20 + (21 - 22) - 24 + 25$)	30		14.132.306.661	65.817.813.660
11. Thu nhập khác	31	5.28	58.871.166.078	13.399.337.419
12. Chi phí khác	32	5.29	58.072.236.691	14.536.703.891
13. Lợi nhuận khác ($40 = 31 - 32$)	40		798.929.387	(1.137.366.472)
14. Lợi nhuận thu từ công ty liên doanh, liên kết	45		1.269.502.367	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ($50 = 30 + 40$)	50		16.200.738.415	64.680.447.188
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.30	10.509.021.675	13.015.707.414
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	50.384.810
18. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		4.035.458.837	13.506.744.387
19. Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty Mẹ	62		1.656.257.903	38.107.610.577
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.31	73	1.886



Trương Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Vũ Văn Thắng

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Theo phương pháp giản tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	1	16.200.738.415	64.680.447.188
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	2	16.427.837.045	11.732.519.716
- Các khoản dự phòng	3	(1.390.150.000)	1.607.001.918
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(12.876.819.132)	(8.328.320.836)
- Chi phí lãi vay	6	51.496.774.660	11.699.249.894
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</i>	8	69.858.380.988	81.390.897.880
3. <i>lưu động</i>			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(35.380.380.488)	(76.501.827.247)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.773.978.428)	(10.518.117.266)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	55.040.474.231	99.799.839.766
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(116.033.652.859)	(136.040.230.820)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(49.527.549.254)	(11.599.695.508)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.154.728.671)	(5.991.649.141)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	43.197.997.000	51.255.288.249
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(63.887.375.870)	(19.995.054.650)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(111.660.813.351)	(28.200.548.737)
II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(36.714.587.530)	(75.113.470.373)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	51.904.800.000	12.842.782.419
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của DV khác	23	(128.700.000.000)	(138.000.875.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	84.061.929.959	91.434.340.666
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(92.244.575.625)	(120.461.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	177.351.033.333	6.912.155.167
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.416.652.440	5.983.597.718
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	70.075.252.577	(216.402.469.403)
III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	18.300.000.000
2. Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(3.639.900)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.245.404.203.180	1.138.978.368.914
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.196.503.109.521)	(862.964.517.036)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.120.010.786)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.710.959.600)	(14.753.247.400)
7. Cổ tức trả cho cổ đông thiểu số	37	(501.630.500)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	24.568.492.773	279.556.964.578
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)</i>	50	(17.017.068.001)	34.953.946.438
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	71.930.631.184	36.922.227.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	932.956	54.457.180
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)</i>	70	54.914.496.139	71.930.631.184

Trương Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Vũ Văn Thắng

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phàn Tập Đoàn Dầu Khí An Pha (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103002232 ngày 02 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2010 số 0303224471.

Vốn điều lệ: 228.300.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám tỷ, ba trăm triệu đồng).

Ngày 15 tháng 02 năm 2008, Cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: ASP

Trụ sở đăng ký: Tòa nhà Capital Tower, Số 6 Nguyễn Khắc Viện, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh

Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí; Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt; Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển; Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở); Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí; Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy; Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng; Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm); Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải; Phá dỡ tàu cũ; Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện); Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán phương tiện vận tải; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)..

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Không có Chuẩn mực Kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiểu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU(Tiếp theo)

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiểu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phi hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

4.4 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

4.6 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên Hợp đồng kinh tế, các khê ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giám giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4.8 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Phương tiện vận tải	07 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

4.9 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (Tiếp theo)

4.10 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

4.12 Đầu tư tài chính dài hạn

Công ty liên kết:

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bắt kè các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn khác:

Các khoản đầu tư dài hạn khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất được phản ánh theo giá gốc

4.13 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas và các khoản chi phí trả trước có thời hạn lớn hơn một năm tài chính.

Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 06 năm 2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010. Chi phí thay van bình gas được phân bổ trong thời gian 5 năm. Chi phí kiểm định vỏ bình, chi phí sơn, sửa chữa, bảo dưỡng vỏ bình gas được quy định phân bổ trong thời gian 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ và chi phí khác được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

4.14 Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 06 năm 2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐOÍ KÉ TOÁN
HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

5.1 Tiền

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	6.785.357.115	3.741.821.990
Tiền gửi ngân hàng	48.129.139.024	68.188.809.194
Tổng	54.914.496.139	71.930.631.184

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Cho cá nhân vay	950.000.000	405.659.334
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An pha	5.074.604.375	12.500.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu An pha	28.853.940.433	23.000.000.000
Tiền gửi NH có kỳ hạn	35.850.000.000	11.200.875.000
Tổng	70.728.544.808	47.106.534.334

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu ACB Leasing	1.561.668.069	-
Lãi cho vay phải thu	1.034.753.328	895.893.303
Cho vay không lãi suất	2.300.000.000	18.725.873.300
Các khoản phải thu khác	3.876.606.275	573.955.314
Tổng	8.773.027.672	20.195.721.917

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.356.038.034	1.007.412.860
Công cụ, dụng cụ	5.638.117.664	2.464.137.174
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	985.288.921	634.365.415
Hàng hoá	9.458.135.097	11.557.685.839
Tổng	17.437.579.716	15.663.601.288

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	5.058.361.271	4.435.184.706
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	8.540.774.010	9.613.995.127
Tài sản ngắn hạn khác	26.788.285	470.465
Tổng	13.625.923.566	14.049.650.298

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHÁ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6 Tài sản cố định hữu hình

MẪU B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	21.420.259.102	64.726.663.141	54.892.504.499	2.126.014.787	143.165.441.529
Tăng trong năm	2.023.332.392	14.514.111.668	9.601.081.421	505.627.543	26.644.153.024
Mua trong năm	-	13.611.481.668	9.601.081.421	505.627.543	23.718.190.632
Từ XD/CB	2.023.332.392	902.630.000	-	-	2.925.962.392
Giảm trong năm	502.490.154	26.172.414.179	1.798.392.001	-	28.473.296.334
Thanh lý, nhượng bán	502.490.154	26.172.414.179	1.798.392.001	-	28.473.296.334
Số dư tại 31/12/2010	22.941.101.340	53.068.360.630	62.695.193.919	2.631.642.330	141.336.298.219
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ					
Số dư tại 01/01/2010	6.812.718.533	19.564.678.312	13.670.933.676	1.332.242.653	41.380.573.174
Tăng trong năm	2.094.832.324	5.852.053.263	6.971.024.890	571.812.054	15.489.722.531
Khấu hao trong năm	2.094.832.324	5.852.053.263	6.971.024.890	571.812.054	15.489.722.531
Giảm trong năm	125.622.510	5.235.716.388	1.109.302.129	-	6.470.641.027
Thanh lý, nhượng bán	125.622.510	5.235.716.388	1.109.302.129	-	6.470.641.027
Số dư tại 31/12/2010	8.781.928.347	20.181.015.187	19.532.656.437	1.904.054.707	50.399.654.678
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2010	14.607.540.569	45.161.984.829	41.221.570.823	793.772.134	101.784.868.355
Tại 31/12/2010	14.159.172.993	32.887.345.443	43.162.537.482	727.587.623	90.936.643.541

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.7 Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2010	-	328.437.146	328.437.146
Tăng trong năm	21.209.425.056	2.837.443.638	24.046.868.694
Thuê trong năm	21.209.425.056	2.837.443.638	24.046.868.694
Số dư tại 31/12/2010	21.209.425.056	3.165.880.784	24.375.305.840
GIÁ TRỊ HAO Mòn LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2010	-	328.437.146	328.437.146
Tăng trong năm	101.337.264	530.235.624	631.572.888
Khäu hao trong năm	101.337.264	530.235.624	631.572.888
Số dư tại 31/12/2010	101.337.264	858.672.770	960.010.034
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2010	-	-	-
Tại 31/12/2010	21.108.087.792	2.307.208.014	23.415.295.806

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2010	14.920.937.265	19.082.400	14.940.019.665
Tăng trong năm	9.146.166.100	28.000.000	9.174.166.100
Mua trong năm	9.146.166.100	28.000.000	9.174.166.100
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	24.067.103.365	47.082.400	24.114.185.765
GIÁ TRỊ HAO Mòn LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2010	284.133.047	19.082.400	303.215.447
Tăng trong năm	304.208.294	2.333.332	306.541.626
Khäu hao trong năm	304.208.294	2.333.332	306.541.626
Tăng khác	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	588.341.341	21.415.732	609.757.073
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2010	14.636.804.218	-	14.636.804.218
Tại 31/12/2010	23.478.762.024	25.666.668	23.504.428.692

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.9 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha Hải Phòng	-	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Xăng Dầu An Pha	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển An Pha	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty TNHH Duy Phát	-	5.500.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vi Na (*)	10.965.260.012	-
Tổng	13.065.260.012	55.100.000.000

(*) Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Hong Vi Na với tỷ lệ 35%, tương ứng với 8.580.316.500 đồng vốn điều lệ của Công ty TNHH Hong Vi Na. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết này được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5.10 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Miền Nam (*)	8.019.180.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	-	4.800.000.000
Công ty TNHH Gas Bình Minh	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng	14.019.180.000	10.800.000.000

(*) Đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Khí Miền Nam (PV Gas South) theo Hợp đồng mua bán cổ phần và hợp tác chiến lược số 174/PV Gas South ngày 15/12/2010. Số cổ phần mua theo hợp đồng 4.455.000 cổ phần, giá mua 18.000đ/cổ phần. Thời điểm 31/12/2010 đã thanh toán 8.019.180.000 đồng, tương ứng 10% giá trị Hợp đồng.

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày 1 tháng 1	360.924.050.537	216.586.987.886
Tăng	175.790.037.306	188.027.903.806
Phân bổ vào chi phí trong năm	(60.870.984.929)	(43.690.841.155)
Các khoản thanh lý khác	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	475.843.102.914	360.924.050.537

Chi tiết số dư:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí vỏ bình gas	443.911.853.276	341.864.727.995
Chi phí sơn sửa, bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình	29.208.377.127	16.045.094.936
Chi phí phát hành trái phiếu	779.000.000	983.000.000
Chi phí thuê đất	421.120.000	1.052.800.000
Chi phí khác	1.522.752.511	978.427.606
Tổng	475.843.102.914	360.924.050.537

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.12 Lợi thế thương mại

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày đầu năm	78.885.467.826	78.874.276.307
Tăng trong năm	-	9.000.000.000
Phản bộ vào phí trong năm	(9.663.808.479)	(8.988.808.480)
Tại ngày cuối năm	69.221.659.347	78.885.467.826

Lợi thế thương mại phát sinh khi Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha mua lại cổ phần/phần vốn góp trong Công ty con/Công ty liên kết để nắm quyền chi phối các Công ty này

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay các tổ chức tín dụng	251.570.000.000	171.798.699.802
Vay cá nhân	-	-
Tổng	251.570.000.000	171.798.699.802

Chi tiết theo Ngân hàng

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	41.300.000.000	44.290.399.802
Ngân hàng TMCP Indovina	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng HSBC	31.800.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	103.670.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Standard Chartered	4.800.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	30.000.000.000
Ngân hàng ĐTPT Việt Nam	33.500.000.000	34.650.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	21.500.000.000	34.858.300.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	1.000.000.000
Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam	-	2.000.000.000
Tổng	251.570.000.000	171.798.699.802

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng nội địa	1.093.011.011	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	233.978.477	-
Thuế xuất, nhập khẩu	111.348.558	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.912.388.473	11.058.057.053
Thuế thu nhập cá nhân	35.606.308	45.216.437
Các loại thuế khác	2.800.000	56.559.496
Tổng	10.389.132.827	11.159.832.986

5.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là tiền lãi vay phải trả được trích trước đến 31 tháng 12 trên cơ sở số dư gốc vay thực tế và lãi suất theo quy định tại Hợp đồng tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bảo hiểm xã hội, y tế	15.229.561	34.537.171
Kinh phí công đoàn	202.002.612	242.505.071
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.052.115.110	1.651.678.898
Tổng	2.269.347.283	1.928.721.140

5.17 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	128.855.024.178	97.946.114.708
Tổng	128.855.024.178	97.946.114.708

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn là khoản tiền nhận thế chân vỏ bình gas, được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời gian phân bổ chi phí vỏ bình gas.

5.18 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Techcombank	59.254.324.024	72.624.530.563
Ngân hàng TM Cổ phần Quân đội	9.184.500.000	18.768.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	38.156.874.823	20.339.760.000
Nợ dài hạn		
Mệnh giá trái phiếu phát hành	11.912.949.201	33.516.770.563
Thuê tài chính	97.225.176.717	100.000.000.000
	80.000.000.000	100.000.000.000
Tổng	156.479.500.741	172.624.530.563

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Techcombank theo Hợp đồng số 0223/HĐTD/TH-PN/TCB-DN, ngày 20/08/2009. Lãi suất đến ngày 30/2009 là 10,5%/năm, lãi suất các thời gian tiếp theo được điều chỉnh 3 tháng một lần, thời hạn vay 36 tháng. Tài sản đảm bảo là bồn chứa, hệ thống chiết nạp gas tại Kho Bến Lức. Mức cho vay tối đa 40.000.000.000 (Bốn mươi tỷ đồng).

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh. Hợp đồng số 366/2009/TD/TDH/NHQD/HCM/KHDN ngày 11/12/2009. Lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 36 tháng. Tài sản đảm bảo là vỏ bình gas.

Đối với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Theo các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, Vay mục đích Đầu tư dự án Nhà Máy chiết Nạp gas, Lãi suất từ 10,5%/năm và 12%/năm, Lịch trả nợ trong vòng 60 tháng.

Trái phiếu phát hành:

Mã trái phiếu: ASP-BOND2009

Số lượng phát hành: 1.000.000 trái phiếu; Mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu

Loại trái phiếu: Không chuyen đổi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

Kỳ hạn tối đa 5 năm, tính từ ngày phát hành trái phiếu cho tới ngày đáo hạn cuối cùng của trái phiếu. Tiền gốc sẽ được thanh toán định kỳ mỗi năm một lần bắt đầu sau một năm kể từ ngày phát hành trái phiếu và được thanh toán vào ngày trả lãi trái phiếu.

Ngày phát hành 16/10/2009. Lãi suất năm đầu cố định 13,2%, từ năm thứ hai trở đi dự kiến bằng lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 12 tháng của 4 Ngân hàng VCB, VBARD, Vietinbank và BIDV cộng phần bù 4%.

Trái phiếu được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo hai Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.09.10/HDCTTC-GĐ ngày 12/10/2010 và số 05.08.10/HDCTTC-GĐ ngày 18/8/2010. Lãi suất 3 tháng đầu tiên 16%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất cho thuê thay đổi theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng của Ngân hàng Á Châu + phần bù 5,1%/năm. Nợ gốc trả hàng tháng đối với Hợp đồng 03.09.10/HDCTTC-GĐ là 254.683.300 đồng/tháng, hợp đồng số 05.08.10/HDCTTC-GĐ là 51.918.000đồng/tháng. Không có thời gian ân hạn nợ gốc.

5.19 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của đối tượng khác	228.299.960.000	228.299.960.000
Tổng	228.299.960.000	228.299.960.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm:

Số lượng cổ phiếu quỹ: 387 cổ phiếu

Cổ phiếu

	31/12/2010 Cổ phiếu	01/01/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.829.996	22.829.996
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.829.996	22.829.996
Cổ phiếu phổ thông	22.829.996	22.829.996
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.829.609	22.829.609
Cổ phiếu phổ thông	22.829.609	22.829.609
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đ/cp	10.000 đ/cp

Cổ tức

Cổ tức năm 2009 đã trả trong năm 2010 cho các cổ đông là 22.710.959.600 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHÁ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Biểu đồ động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<i>Đơn vị: tỷ đồng, VNĐ</i>								
Số dư tại 01/01/2009	126.000.000.000	85.433.380.000	-	1.570.808.689	480.446.926	15.665.119.239	229.149.754.854	
Tăng trong năm	102.299.960.000	(3.639.900)	53.882.586	454.737.986	227.368.993	38.107.610.577	141.139.920.242	
Phát hành riêng lẻ	18.300.000.000	-	-	-	-	-	18.300.000.000	
Cổ phiếu thường	83.999.960.000	-	-	454.737.986	227.368.993	38.107.610.577	83.999.960.000	
Bổ sung từ lợi nhuận	-	(3.639.900)	53.882.586	-	-	-	38.789.717.556	
Mua cổ phiếu quý	-	-	-	-	-	-	(3.639.900)	
Đánh giá lại	-	-	-	-	-	-	53.882.586	
Giảm trong năm	-	83.999.960.000	-	1.329.350.696	623.386.026	15.851.866.798	101.814.563.520	
Chuyển thành vốn	-	83.999.960.000	-	1.200.000.000	600.000.000	-	85.799.960.000	
Chia cổ tức, trích quỹ	-	-	-	-	-	15.851.866.798	15.851.866.798	
Giảm khác	-	-	-	129.350.696	33.386.026	-	-	162.736.722
Số dư tại 31/12/2009	228.299.960.000	1.433.420.000	(3.639.900)	53.882.586	696.195.979	74.429.893	37.920.863.018	268.475.111.576
Số dư tại 01/01/2010	228.299.960.000	1.433.420.000	(3.639.900)	53.882.586	696.195.979	74.429.893	37.920.863.018	268.475.111.576
Tăng trong năm	-	-	-	(45.381.040)	-	-	1.656.257.903	1.610.876.863
Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.656.257.903	1.656.257.903
Đánh giá lại	-	-	-	(45.381.040)	-	-	-	(45.381.040)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	23.829.609.000	23.829.609.000	
Chia cổ tức, trích quỹ	-	-	-	-	-	23.829.609.000	23.829.609.000	
Số dư tại 31/12/2010	228.299.960.000	1.433.420.000	(3.639.900)	8.501.546	696.195.979	74.429.893	15.747.511.921	246.256.379.439

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN/HN

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán gas (LPG)	2.024.943.034.740	1.504.730.146.650
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	44.346.187.530	41.856.316.596
Doanh thu bán hàng khác	1.245.589.299	3.612.799.587
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.303.070.372	37.065.052.349
Tổng	2.115.837.881.941	1.587.264.315.182

5.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chiết khấu thương mại	39.923.621.439	20.879.753.844
Tổng	39.923.621.439	20.879.753.844

5.22 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán gas (LPG)	1.985.019.413.301	1.483.850.392.806
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	44.346.187.530	41.856.316.596
Doanh thu bán hàng khác	1.245.589.299	3.612.799.587
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.303.070.372	37.065.052.349
Tổng	2.075.914.260.502	1.566.384.561.338

5.23 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn bán gas (LPG)	1.857.297.261.591	1.356.220.367.400
Giá vốn bán hàng khác	1.141.127.853	2.715.755.567
Giá vốn cung cấp dịch vụ	21.766.407.583	22.363.019.672
Tổng	1.880.204.797.027	1.381.299.142.639

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.825.336.737	2.288.406.425
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	734.322.565	5.641.617.426
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	96.700.000
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	337.223.791	-
Doanh thu tài chính khác	3.884.441.050	559.050.204
Tổng	12.781.324.143	8.585.774.055

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.25 Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	51.496.774.660	11.699.249.894
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	485.921.260	9.419.868.815
Chi phí tài chính khác	297.946.425	590.909.090
Tổng	52.280.642.345	21.710.027.799

5.26 Chi phí bán hàng

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	12.602.514.752	10.021.402.555
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.227.493.437	2.420.874.732
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	50.535.451.027	35.715.246.103
Chi phí bán hàng khác	36.532.031.665	23.366.544.387
Tổng	102.897.490.881	71.524.067.777

5.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên	11.102.501.677	9.999.739.801
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.201.438.319	1.249.881.330
Phân bổ lợi thế thương mại	9.663.808.479	8.988.808.480
Chi phí quản lý khác	16.212.599.256	14.380.853.907
Tổng	39.180.347.731	34.619.283.518

5.28 Thu nhập khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu thanh lý tài sản, bất động sản đầu tư	58.338.134.147	12.616.509.177
Nhập lại gas dư	-	536.155.000
Thu khác	533.031.931	246.673.242
Tổng	58.871.166.078	13.399.337.419

5.29 Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	56.904.328.974	3.902.112.573
Chi phí thanh lý	-	10.626.448.800
Chi phí khác	1.167.907.717	8.142.518
Tổng	58.072.236.691	14.536.703.891

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.30 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.200.738.415	64.680.447.188
Các khoản điều chỉnh tăng	26.339.737.660	12.941.381.456
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.949.185.563)	-
Thu nhập chịu thuế	39.591.290.512	77.621.828.644
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.897.822.631	19.405.457.163
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác	-	(270.529.810)
thuế suất thông thường	-	-
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ tính thuế	-	(541.059.619)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.897.822.631	18.593.867.734
Chi phí thuế TNDN năm trước chuyển sang	611.199.044	-
Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị quyết	-	(5.578.160.320)
30/2008 của Chính phủ	-	-
Thuế TNDN phải nộp trong năm	10.509.021.675	13.015.707.414

5.31 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.656.257.903	38.107.610.577
a. Số điều chỉnh giảm	-	-
b. Số điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.656.257.903	38.107.610.577
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	22.829.609	20.208.464
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	73	1.886